

Số: /2019/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày tháng 8 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư
vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Xét Tờ trình số 32/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 90/BC-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

- Nghị quyết này quy định chính sách đặc thù về đầu tư, tập trung đất đai, lãi suất cho các doanh nghiệp có dự án nằm trong danh mục dự án khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Các cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn không nêu tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (*viết tắt là Nghị định số 57/2018/NĐ-CP*).

2. Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp được đăng ký, thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn quy định tại Khoản 3, 4, 5, Điều 3 của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này.

Điều 2. Nội dung hỗ trợ

1. Hỗ trợ tập trung đất đai

a) Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, khuyến khích đầu tư thuê, thuê lại đất, mặt nước của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án đầu tư được Nhà nước hỗ trợ kinh phí tương đương với 15% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho 05 năm đầu tiên kể từ khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động; giá thuê đất, thuê mặt nước thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 6 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp (*đặc biệt ưu đãi đầu tư, ưu đãi đầu tư, khuyến khích đầu tư*) thuê quyền sử dụng đất, mặt nước hoặc góp vốn bằng quyền sử dụng đất, mặt nước của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước hỗ trợ 03 triệu đồng/ha nhưng không quá 300 triệu đồng/dự án thực hiện đo đạc để lập hồ sơ quản lý đất đai theo quy định (đối với những nơi chưa được đo đạc địa chính theo quy định hiện hành).

2. Hỗ trợ lãi suất

a) Mức hỗ trợ: Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn có sử dụng vốn vay của ngân hàng thương mại được Nhà nước hỗ trợ lãi suất vay thương mại sau khi dự án hoàn thành. Mức hỗ trợ bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư tính trên số dư thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ.

b) Thời gian hỗ trợ: Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại nhưng không quá 08 năm đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, 05 năm đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, 04 năm đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư. Trường hợp dự án của doanh nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập thì thời gian hỗ trợ lãi suất là 06 năm.

c) Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm.

d) Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư dự án.

3. Hỗ trợ trồng mới, trồng lại cây chè

a) Mức hỗ trợ: Doanh nghiệp có dự án trồng mới, trồng lại cây chè, sử dụng giống mới, năng suất chất lượng cao được Nhà nước hỗ trợ một lần 25 triệu đồng/ha để mua giống chè.

b) Điều kiện hỗ trợ: Doanh nghiệp trồng mới, trồng lại diện tích chè được cơ quan có thẩm quyền cho phép thanh lý hoặc doanh nghiệp có hợp đồng liên doanh, liên kết với các hộ dân có đất trồng chè. Quy mô tối thiểu 30 ha/dự án, sử dụng giống mới, năng suất, chất lượng cao, thực hiện trồng chè theo các tiêu chuẩn được công nhận.

4. Hỗ trợ chăn nuôi trâu, chăn nuôi lợn tập trung

a) Mức hỗ trợ: Doanh nghiệp có dự án chăn nuôi trâu, chăn nuôi lợn tập trung được Nhà nước hỗ trợ một lần 50% chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng nhưng không quá 1,5 tỷ đồng/dự án chăn nuôi trâu, không quá 01 tỷ đồng/dự án chăn nuôi lợn để xây dựng chuồng trại, nhà kho, xử lý chất thải, giao thông, điện, nước và mua sắm thiết bị trong hàng rào dự án.

b) Điều kiện được hỗ trợ: Quy mô chăn nuôi gia súc tập trung thường xuyên tối thiểu 100 con trâu; 500 con lợn.

Điều 3. Trình tự thủ tục đầu tư, hồ sơ và thủ tục hỗ trợ

1. Doanh nghiệp được giải ngân 01 lần số tiền hỗ trợ sau khi dự án được nghiệm thu hoàn thành. Trình tự thủ tục đầu tư, hồ sơ và thủ tục hỗ trợ thực hiện theo Điều 16, Điều 17 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

2. Đối với dự án hỗ trợ trồng mới, trồng lại cây chè nghiệm thu, giải ngân hỗ trợ theo năm. Trình tự thủ tục đầu tư thực hiện theo Điều 16 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP; hồ sơ và thủ tục thực hiện hỗ trợ hàng năm theo Điều 17 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

Điều 4. Nguồn vốn hỗ trợ

Ngân sách tỉnh (vốn sự nghiệp kinh tế và vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh), nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp và hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 23 tháng 7 năm 2019, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2019 và thay thế Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2020.

2. Doanh nghiệp có dự án đang được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của HĐND tỉnh thì tiếp tục được hưởng hỗ trợ cho phần còn lại của dự án. Trường hợp dự án đã trình cấp có thẩm quyền phê duyệt mà chưa được hưởng hỗ trợ hoặc chưa hoàn thành thủ tục về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường thì tiếp tục hoàn chỉnh, bổ sung hồ sơ để được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục kiểm tra Văn bản - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Liên minh HTX Việt Nam;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Lưu: VT (Na).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sơn